

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH AN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 131/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 20/4/2021

“V/v tranh chấp hôn nhân và gia
đình về ly hôn, tranh chấp về nuôi
con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Kiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Văn Mừng;
2. Ông Huỳnh Tấn Khoa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm Thúy, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Lê Hoàng Vinh – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 819/2020/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 10 năm 2020 về việc “tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 113/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 153/2021/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Trung H, sinh năm 1975; nơi cư trú: số 416, tổ 16, ấp LH 2, xã LK, huyện CM, tỉnh An Giang; có mặt.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Thị Bích H, sinh năm 1976; nơi cư trú: 416, tổ 16, ấp LH 2, xã LK, huyện CM, tỉnh An Giang; địa chỉ liên hệ: ấp Ng T, xã ĐH A, huyện AM, tỉnh Kiên Giang; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Trung H trình bày, ông và bà H do mai mối và đi đến hôn nhân vào năm 2013, vợ chồng có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn theo quy định. Thời gian chung sống đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan

điêm, hay cự cãi. Nhận thấy tình cảm không còn, nay ông yêu cầu ly hôn với bà H.

Quá trình chung sống, ông và bà H có 01 con chung tên Nguyễn Thị Quỳnh H, sinh ngày 28/5/2014 hiện do bà H nuôi dưỡng, ông đồng ý để vợ được tiếp tục nuôi, ông không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Tòa án đã tổng đạt văn bản tố tụng theo đúng quy định cho bà H, nhưng bà H vắng mặt, nên không thể ghi nhận ý kiến của bà H.

Tại bản trình ông ý kiến đề ngày 14/3/2021 bà Nguyễn Thị Bích H trình bày: Về yêu cầu ly hôn, bà đồng ý ly hôn với ông H, con chung nay bà đề nghị được nuôi con là cháu Nguyễn Thị Quỳnh H, sinh ngày 28/5/2014, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con; đối với yêu cầu về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác về tài sản bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa,

- Ông Nguyễn Trung H trình bày ý kiến, yêu cầu như đã cung cấp trong giai đoạn chuẩn bị xét xử. Ngoài các tài liệu, chứng cứ đã cung cấp cho Tòa án, ông H không còn tài liệu, chứng cứ nào khác để cung cấp thêm.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 234 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân, ông Nguyễn Trung H và ông Nguyễn Thị Bích H chung sống có đăng ký kết hôn nên quan hệ hôn nhân giữa ông và bà H là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Xét thấy, từ khi ông H gửi đơn khởi kiện, bà H đồng ý ly hôn, đến nay ông H khẳng định không còn tình cảm với bà H. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông H đối với bà H theo Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Về con chung, đề nghị chấp nhận yêu cầu ông H, giao cháu Quỳnh H cho bà H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng; ông H không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Do bà H không có yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con, nên đề nghị không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung, đề nghị không đề cập giải quyết.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; xem xét, quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Ông Nguyễn Trung H khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Nguyễn Thị Bích H. Đồng thời, bà H có địa chỉ cư trú trên địa bàn huyện Chợ Mới. Xét đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bà Nguyễn Thị Bích H đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà H theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Giữa ông H và bà H tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9, 11 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 (nay là Điều 8, 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014), nên quan hệ hôn nhân giữa ông H, bà H là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Ông H xác định, quá trình chung sống từ năm 2016 đến nay cả hai đã có nhiều mâu thuẫn, nên cũng đã tự sống ly thân từ năm 2016, bà H đã chuyển về nhà cha mẹ ruột sống. Tại bản trình bày đề ngày 14/3/2021, bà H cũng thừa nhận việc hai vợ chồng có mâu thuẫn và cũng tự sống ly thân từ năm 2016, nay bà đồng ý ly hôn với ông H.

Xét thấy, xuất phát từ mâu thuẫn tình cảm, giữa ông H và bà H không có tiếng nói chung trong cuộc sống vợ chồng, sau thời gian mâu thuẫn, ông H và bà H không hàn gắn tình cảm, từ năm 2016 đến nay cả hai cũng đã tự sống ly thân. Bên cạnh đó, trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, cũng như xét xử vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, các văn bản tố tụng cho bà H, bà H có gửi văn bản trình bày ý kiến, về quan hệ hôn nhân bà đồng ý ly hôn với ông H. Do vậy, có căn cứ xác định mâu thuẫn giữa ông H và bà H là trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, việc ông H yêu cầu ly hôn là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông H.

[2.2] Về con chung: Ông H xác định, trong thời gian chung sống, vợ chồng ông có 01 con chung tên Nguyễn Thị Quỳnh H, sinh ngày 28/5/2014, cháu Quỳnh H hiện đang chung sống với bà H, nên ông đồng thuận để cháu Hương chung sống với bà H, ông không phải cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, hiện nay cháu Quỳnh H đang sống chung với bà H ổn định và phát triển tốt về thể chất, tinh thần, ông H cũng đồng ý để bà H tiếp tục nuôi

dưỡng con chung. Do đó, để đảm bảo ổn định cuộc sống cho cháu Quỳnh H phát triển tốt về thể chất, tinh thần. Hội đồng xét xử giao cháu Nguyễn Thị Quỳnh H cho bà H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng theo khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, do bà H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Ông H xác định không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên không đề cập giải quyết.

[2.4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: ông Nguyễn Trung H phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bà Nguyễn Thị Bích H không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 5, khoản 1 Điều 53, các Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 144, 147, 227, 228, 235, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Nguyễn Trung H;

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Trung H được ly hôn với bà Nguyễn Thị Bích H. Giấy chứng nhận kết hôn số 171/2013, quyền số 01/2013 ngày 20/12/2013 do Ủy ban nhân dân xã LK, huyện CM, tỉnh An Giang cấp, không còn giá trị pháp lý.

2. Về quan hệ con chung: Giao cho bà Nguyễn Thị Bích H được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Thị Quỳnh H, sinh ngày 28/5/2014. Ông Nguyễn Trung H không phải cấp dưỡng nuôi dạy con chung.

Bà Nguyễn Thị Bích H cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông Nguyễn Trung H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

3. Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Không đề cập giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm: Ông Nguyễn Trung H phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí

Tòa án số TU/2016/ 0013738 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang cấp ngày 26 tháng 10 năm 2020; ông Nguyễn Trung H đã nộp đủ án phí.

Bà Nguyễn Thị Bích H không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ông Nguyễn Trung H có mặt, có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của bà Nguyễn Thị Bích H là 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Chợ Mới (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới (1);
- Ủy ban nhân dân xã LK, huyện CM, tỉnh An Giang (1);
- Các đương sự (để thi hành) (2);
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Trung Kiên